

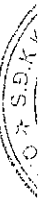
# Deloitte

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SON -  
SÔNG HÌNH**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

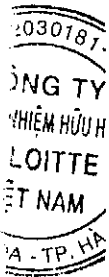
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009  
đến ngày 30 tháng 9 năm 2009



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 20



# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH

Số 21 đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn

Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 9 năm 2009.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thanh	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2009)
Ông Trịnh Văn Tuấn	Ủy viên
Ông Võ Thành Trung	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Thắng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2009)
Ông Nguyễn Đức Đồi	Ủy viên (Miễn nhiệm vị trí chủ tịch Hội đồng Quản trị ngày 17 tháng 4 năm 2009)
Bà Đặng Thị Hồng Phương	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2009)

#### Ban Giám đốc

Ông Võ Thành Trung	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Phong Thu	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2009)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ngày 30 tháng 10 năm 2009

Số: 511 /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông  
Công ty Cổ Phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (gọi tắt là "Công ty") cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 9 năm 2009. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, đến thời điểm soát xét này Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam vẫn chưa có một thỏa thuận chính thức về mức giá điện áp dụng cho năm 2009. Hiện tại Công ty đang ghi nhận khoản mục doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện trên cơ sở đơn giá bằng 90% đơn giá cùng kỳ của năm 2008.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý: Công ty không trình bày số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 9 năm 2009 do đây là kỳ kế toán đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ 9 tháng.



**Trần Thị Thủy Ngọc**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0031/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 30 tháng 10 năm 2009  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Hoàng Nam**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0145KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2009

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2009		31/12/2008	
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.116.917.588.356</b>		<b>993.925.785.411</b>	
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>180.013.448.482</b>		<b>47.989.060.180</b>	
1. Tiền	111		30.013.448.482		4.989.060.180	
2. Các khoản tương đương tiền	112		150.000.000.000		43.000.000.000	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>845.685.326.000</b>		<b>825.685.326.000</b>	
1. Đầu tư ngắn hạn	121	<b>5</b>	845.685.326.000		825.685.326.000	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>66.413.337.733</b>		<b>99.349.590.941</b>	
1. Phải thu khách hàng	131		17.443.858.980		60.323.574.046	
2. Trả trước cho người bán	132		29.671.762.750		2.363.319.258	
3. Các khoản phải thu khác	135		19.297.716.003		36.662.697.637	
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>24.386.976.141</b>		<b>20.832.364.290</b>	
1. Hàng tồn kho	141		29.581.280.750		26.026.668.899	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.194.304.609)		(5.194.304.609)	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>418.500.000</b>		<b>69.444.000</b>	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-		25.344.000	
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		418.500.000		44.100.000	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.431.891.626.774</b>		<b>1.489.324.555.639</b>	
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.420.624.342.232</b>		<b>1.478.057.271.097</b>	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>7</b>	1.309.889.403.163		1.421.966.826.897	
- Nguyên giá	222		2.898.122.753.120		2.897.221.819.557	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.588.233.349.957)		(1.475.254.992.660)	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>8</b>	110.734.939.069		56.090.444.200	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>9.968.708.390</b>		<b>9.968.708.390</b>	
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	<b>9</b>	9.968.708.390		9.968.708.390	
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.298.576.152</b>		<b>1.298.576.152</b>	
1. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		1.298.576.152		1.298.576.152	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.548.809.215.130</b>		<b>2.483.250.341.050</b>	

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2009

**MÃ SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2009	31/12/2008
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>279.325.641.308</b>	<b>340.832.602.327</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>25.764.766.502</b>	<b>115.838.468.947</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	-	104.221.606.286
2. Phải trả người bán	312		13.420.297.126	1.307.578.287
3. Người mua trả tiền trước	313		155.000.000	155.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	9.647.001.168	6.942.257.508
5. Phải trả người lao động	315		1.669.609.438	2.114.960.684
6. Chi phí phải trả	316		775.406.469	956.067.682
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		97.452.301	140.998.500
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>253.560.874.806</b>	<b>224.994.133.380</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	12	253.385.897.332	224.812.990.511
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		174.977.474	181.142.869
<b>B. NGUỒN VỐN</b>	<b>400</b>		<b>2.269.483.573.822</b>	<b>2.142.417.738.723</b>
<b>I. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>2.268.380.746.222</b>	<b>2.141.119.982.272</b>
1. Vốn điều lệ	411	13	1.374.942.580.000	1.374.942.580.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		370.660.568.000	370.660.568.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		71.500.000.000	71.500.000.000
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		14.380.000.000	14.380.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	13	436.897.598.222	309.636.834.272
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>1.102.827.600</b>	<b>1.297.756.451</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		606.102.600	677.236.047
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		496.725.000	620.520.404
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.548.809.215.130</b>	<b>2.483.250.341.050</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ

30/09/2009

31/12/2008

-

163.316.733



Vũ Văn Trung  
Tổng Giám đốc

Lê Văn Chương  
Người lập

Ngày 30 tháng 10 năm 2009

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 9 năm 2009

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/09/2009
1. Doanh thu bán hàng	01	14	339.576.747.026
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng	10		339.576.747.026
4. Giá vốn hàng bán	11	15	136.425.258.535
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20		203.151.488.491
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	59.217.970.263
7. Chi phí tài chính	22	17	5.314.886.854
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		5.314.886.854
8. Chi phí bán hàng	24		-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.348.773.193
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		250.705.798.707
11. Thu nhập khác	31		54.963.240
12. Chi phí khác	32		1.350.000
13. Lợi nhuận khác	40		53.613.240
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		250.759.411.947
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		8.924.020.597
16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		241.835.391.350
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	18	1.759



Võ Thành Trung  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2009

Lê Văn Chương  
Người lập

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

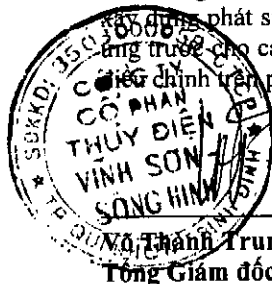
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 9 năm 2009

**MẪU SỐ B 03-DN**  
Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/09/2009</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>250.759.411.947</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>		<i>59.624.789.123</i>
- Khấu hao tài sản cố định	02	113.527.872.532
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(59.217.970.263)
- Chi phí lãi vay	06	5.314.886.854
<i>3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>310.384.201.070</i>
- Giảm các khoản phải thu	09	45.247.905.237
- Tăng hàng tồn kho	10	(3.554.611.851)
- Giảm các khoản phải trả	11	(5.008.036.572)
- Giảm chi phí trả trước	12	25.344.000
- Tiền lãi vay đã trả	13	(6.146.110.301)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.650.354.447)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>336.298.337.136</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(77.290.223.745)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	(15.200.000)
3. Tiền chi cho vay các đơn vị khác	23	(705.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay từ đơn vị khác	24	685.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	78.675.580.776
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(18.629.842.969)</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	28.572.906.820
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(104.221.606.285)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(109.995.406.400)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(185.644.105.865)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>	<i>132.024.388.302</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	47.989.060.180
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	180.013.448.482

**Thông tin bổ sung cho các khoản mục phi tiền tệ:**

Tiền dùng để mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong kỳ không bao gồm số tiền 11.056.977.868 VND là chi phí ứng trước cho các nhà thầu nhưng chưa được thanh toán và đã bao gồm số tiền 27.308.443.492 VND là số tiền điều chỉnh trả phần tặng, giảm các khoản phải trả, phải thu.



**Nguyễn Trung**  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2009

**Lê Văn Chương**  
Người lập

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Nhà máy"). Trước khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Nhà máy là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty Điện lực Việt Nam, nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN").

Theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước thuộc EVN giai đoạn 2003 - 2005 và Quyết định số 2992/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hoá Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh có nhiệm vụ thực hiện cổ phần hoá trong năm 2004. Ngày 2 tháng 12 năm 2004, Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh thành Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh.

Ngày 4 tháng 5 năm 2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên mới là Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, bổ sung.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 01/QĐ-TTGDHN. Ngày 28 tháng 6 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 là 160 người (năm 2008: 150 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện năng (vận hành Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và Nhà máy thủy điện Sông Hinh). Toàn bộ sản lượng điện của Công ty được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất là hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh và báo cáo tài chính của công ty liên kết - Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định - theo phương pháp vốn chủ sở hữu như quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 07 - *Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết*.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

0307  
NG  
NHÌEM H  
LOIT  
T NA  
A - T

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là các vật tư, phụ tùng dự phòng để thay thế, phục vụ cho các tổ máy phát điện tại hai nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và Sông Hinh. Các vật tư, phụ tùng dự phòng này có tính đặc chủng dùng để thay thế cho các thiết bị mang tính chất đồng bộ của các tổ máy phát điện và đã tồn kho từ thời gian lắp đặt các tổ máy (từ năm 1995 đối với Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn và từ năm 2000 đối với Nhà máy Thủy điện Sông Hinh). Các vật tư này được lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho từ năm 2007 theo các ước tính kế toán cho giá trị vật tư bị suy giảm về mặt giá trị.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/09/2009 (Số năm sử dụng)</b>
<b>Tài sản</b>	
Nhà xưởng và vật kiến trúc	20 - 50
Máy móc và thiết bị	8 - 10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 10

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng phát sinh được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất được phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận hàng tháng của EVN. Doanh thu bán điện được ghi nhận không phụ thuộc vào việc đã nhận được tiền hay chưa.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

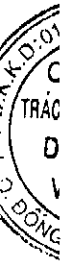
**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo quy định tại Nghị định số 164/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 12 năm 2003, Thông tư số 128/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2003, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 9 năm 2006, Công văn số 5248/TC-CST của Bộ Tài chính ngày 29 tháng 4 năm 2005, Công văn số 11924/TC-CST của Bộ Tài chính ngày 20 tháng 10 năm 2004, và Công văn số 1591/TCT/DNNN của Tổng Cục thuế ngày 4 tháng 5 năm 2006, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi thành lập. Công ty được miễn thuế trong 6 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo. Năm 2009 là năm thứ năm kinh doanh có lãi nên Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/09/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tiền mặt	118.747.446	265.438.462
Tiền gửi ngân hàng	29.894.701.036	4.723.621.718
Các khoản tương đương tiền (i)	150.000.000.000	43.000.000.000
	<b>180.013.448.482</b>	<b>47.989.060.180</b>

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng hoặc dưới 3 tháng.

**5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

	30/09/2009	31/12/2008
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (i)	30.685.326.000	30.685.326.000
Đầu tư ngắn hạn khác:	815.000.000.000	795.000.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng	195.000.000.000	175.000.000.000
- Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) vay (ii)	500.000.000.000	500.000.000.000
- Ủy thác đầu tư (iii)	-	35.000.000.000
- Đầu tư ngắn hạn khác (iv)	120.000.000.000	85.000.000.000
	<b>845.685.326.000</b>	<b>825.685.326.000</b>

(i) Năm 2005, Công ty đã đầu tư mua 5 triệu cổ phiếu theo mệnh giá (tương ứng 1,6% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại với tổng giá trị là 51.000.000.000 VND. Năm 2006 và 2007, Công ty đã chuyển nhượng 2.166.670 cổ phiếu và thu về 92.560.000.000 VND lợi nhuận tài chính. Trong năm 2007, Công ty được chia cổ tức bằng cổ phiếu là 178.536 cổ phiếu. Số cổ phiếu Công ty sở hữu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại không thay đổi trong kỳ và đến ngày 30 tháng 9 năm 2009 là 3.011.866 cổ phiếu.

03016  
ĐNG T  
NHIỆM H  
LOIT T  
ỆT NAI  
ĐA - TP

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

(ii) Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay với lãi suất 8%, kỳ hạn 12 tháng tính từ ngày giải ngân. Tính tới thời điểm 30 tháng 9 năm 2009, hợp đồng cho vay này đã hết thời hạn, tuy nhiên Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam vẫn chưa thực hiện gia hạn hợp đồng hoặc ký hợp đồng vay mới.

(iii) Vốn ủy thác đầu tư tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI là 35.000.000.000 VND đã đáo hạn vào ngày 28 tháng 5 năm 2009.

(iv) Các khoản đầu tư ngắn hạn khác, bao gồm:

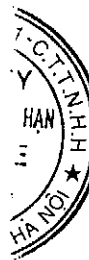
- Ủy thác cho Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực quản lý 85.000.000.000 VND. Trong đó khoản thứ nhất có giá trị là 35.000.000.000 VND kỳ hạn 12 tháng, đáo hạn vào ngày 10 tháng 12 năm 2009, lãi suất cố định 10%/năm; khoản thứ hai có giá trị là 25.000.000.000 VND, kỳ hạn 12 tháng, đáo hạn vào ngày 29 tháng 1 năm 2010, lãi suất cố định 8%/năm; khoản thứ ba có giá trị là 25.000.000.000 VND, kỳ hạn 6 tháng, đáo hạn vào ngày 3 tháng 2 năm 2010, lãi suất cố định 8%/năm.
- Hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (VIS) với số tiền là 35.000.000.000 VND từ ngày 28 tháng 1 năm 2008, được gia hạn đến ngày 3 tháng 11 năm 2009, lãi suất góp vốn trước ngày 3 tháng 5 năm 2009 là 17%/năm và từ ngày 3 tháng 5 năm 2009 là 9%/năm.

**6. HÀNG TỒN KHO**

	30/09/2009	31/12/2008
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	28.747.380.672	25.444.965.443
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	833.900.078	581.583.456
	<b>29.581.280.750</b>	<b>26.026.668.899</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.194.304.609)	(5.194.304.609)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b>24.386.976.141</b>	<b>20.832.364.290</b>

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho giá trị vật tư, phụ tùng dự phòng để thay thế, phục vụ cho các tổ máy phát điện tại hai nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và Sông Hinh. Các vật tư, phụ tùng dự phòng này có tính đặc chủng dùng để thay thế cho các thiết bị mang tính chất đồng bộ của các tổ máy phát điện và đã tồn kho từ thời gian lắp đặt các tổ máy (từ năm 1995 đối với Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn và từ năm 2000 đối với Nhà máy Thủy điện Sông Hinh). Các vật tư này được lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho từ năm 2007 theo các ước tính kế toán cho giá trị vật tư bị suy giảm về mặt giá trị.

Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp theo hướng dẫn kế toán đặc thù áp dụng cho ngành điện.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc '000VND	Máy móc và thiết bị '000VND	Thiết bị văn phòng '000VND	Phương tiện vận tải '000VND	Tổng '000VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2009	2.047.298.356	826.438.563	1.836.984	21.647.916	2.897.221.819
Tăng trong kỳ	-	747.788	129.772	696.685	1.574.245
Thanh lý, nhượng bán	-	(30.550)	(242.760)	(400.000)	(673.310)
Tại ngày 30/09/2009	2.047.298.356	827.155.801	1.723.996	21.944.601	2.898.122.754
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2009	(842.940.825)	(613.844.242)	(1.344.030)	(17.125.895)	(1.475.254.992)
Khấu hao trong kỳ	(51.093.578)	(61.486.174)	(97.038)	(851.082)	(113.527.872)
Tăng khác	-	-	(43.832)	(79.964)	(123.796)
Thanh lý, nhượng bán	-	30.550	242.760	400.000	673.310
Tại ngày 30/09/2009	(894.034.403)	(675.299.866)	(1.242.140)	(17.656.941)	(1.588.233.350)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 30/09/2009	1.153.263.953	151.855.935	481.856	4.287.660	1.309.889.404
Tại ngày 31/12/2008	1.204.357.531	212.594.321	492.954	4.522.021	1.421.966.827

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với tổng giá trị tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 là 21.274.032.589 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 21.529.694.095 VND).

**8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/09/2009 VND
Tại ngày 1 tháng 1	56.090.444.200
Tăng	58.180.159.295
Kết chuyển vào chi phí sửa chữa thường xuyên	(3.535.664.426)
Tại ngày 30 tháng 09	<b>110.734.939.069</b>

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm giá trị các công trình sau:

	30/09/2009 VND	31/12/2008 VND
Công trình hồ C Thủy điện Vĩnh Sơn (i)	5.374.696.606	5.374.696.606
Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum (ii)	92.739.327.566	42.080.661.024
Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2&3 (iii)	10.373.440.594	8.009.606.020
Dự án Thủy điện Đồng Cam (iv)	180.645.860	180.645.860
Dự án nâng cao năng lực hồ chứa Vĩnh Sơn (v)	917.257.417	444.834.690
Cắm mốc hành lang bảo vệ hồ chứa - NM Vĩnh Sơn (vi)	373.384.557	-
Nâng cấp hồ Sông Hình	780.000	-
Sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên dở dang (vii)	775.406.469	-
	<b>110.734.939.069</b>	<b>56.090.444.200</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG (Tiếp theo)**

- (i) Theo Quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi số 14/QĐ-EVN-HĐQT-TĐ ngày 14 tháng 1 năm 2002 của EVN, “Công trình hồ C Thủy điện Vĩnh Sơn” này được xây dựng trên nhánh sông Đăkdinhdong (thượng nguồn sông Ba) thuộc địa phận xã Đăkroong, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, với tổng mức đầu tư là 217.100.000.000 VND. Nhiệm vụ của công trình là chuyển nước điều tiết từ hồ C trên thượng nguồn sông Ba sang hồ B hiện có của Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn nhằm nâng cao năng lực sản xuất và làm gia tăng sản lượng điện trung bình hàng năm của Nhà máy này thêm 78,2 triệu KWh. Công ty đã hạch toán tạm tăng tài sản cố định với giá trị là 128.000.000.000 VND và đưa vào sử dụng điều tiết nước từ hồ B sang hồ C trong năm 2007.
- (ii) Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum là công trình trên cùng hệ thống bậc thang thủy điện sông Sê San. Công trình có hồ chứa, tuyến đầu mối nằm trên sông nhánh Đăk Nghé lưu vực sông Sê San, thuộc 2 xã Đăk Kôi, huyện Kon Rẫy và xã Đăk Tăng, huyện KôngPlông, tỉnh Kon Tum; và nhà máy nằm trên sông Đăk Lò tại xã Đăk Tăng và Ngọc Tem, huyện Kông Plông thuộc lưu vực sông Trà Khúc, tỉnh Quảng Ngãi. Dự án Thủy điện Thượng KonTum đã được phê duyệt cho phép đầu tư theo Công văn số 1774/TTg-CN ngày 1 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính Phủ, trước đây do EVN làm chủ đầu tư và đã chuyển giao lại cho Công ty theo văn bản số 32EVN/HĐQT ngày 13 tháng 1 năm 2006 của EVN; Ban Quản lý Thủy điện 4 đại diện cho EVN đã bàn giao lại toàn bộ các hồ sơ pháp lý, kỹ thuật, tài chính liên quan đến công trình theo Công văn số 6421/CV-EVN-KH ngày 29 tháng 11 năm 2006 của EVN và Biên bản bàn giao đề ngày 1 tháng 1 năm 2007. Công ty đã chuyển trả lại EVN toàn bộ số tiền mà EVN đã chi trả trong quá trình chuẩn bị đầu tư dự án này từ năm 2002 đến năm 2006 với số tiền là 19.330.450.930 VND.
- (iii) Dự án thủy điện Vĩnh Sơn 2&3: UBND tỉnh Bình Định đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư ngày 7 tháng 11 năm 2007. Công ty đã hoàn thành việc lập dự án đầu tư xây dựng công trình, đã tổ chức thẩm định hồ sơ dự án và đã trình Bộ Công thương xem xét thỏa thuận thiết kế cơ sở của dự án. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Quyết định số 1711/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 8 năm 2008 phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.
- (iv) Dự án thủy điện Đồng Cam: Đây là dự án đang ở bước lập quy hoạch và đăng ký đầu tư theo trình tự xây dựng cơ bản. Hiện nay, địa phương đang xem xét quy hoạch tổng thể về cấp nước các khu kinh tế nam Phú Yên.
- (v) Dự án nâng cao năng lực hồ chứa Vĩnh Sơn: Dự án đang tiến hành các bước khảo sát để lập dự án đầu tư.
- (vi) Cắm mốc hành lang bảo vệ hồ chứa - NM Vĩnh Sơn: Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 9 tháng 7 năm 2009, HĐQT đã nhất trí phê duyệt đề cương khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật cho Dự án nâng cao hiệu quả khai thác hồ B+C, thủy điện Vĩnh Sơn. Công trình này đang được tiến hành thi công.
- (vii) Sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên dở dang liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh điện.

**9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Số dư khoản mục đầu tư vào công ty liên kết đang phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định.

*Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 như sau:*

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	TP. Quy Nhơn Tỉnh Bình Định	49,72%	49,72%	Du lịch khách sạn, lữ hành...

0102  
CÔ  
TRÁCH N  
DEI  
VIỆ  
ÔNG Đ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/09/2009	31/12/2008
	VND	VND
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>		
CN Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Phú Yên	-	31.232.323.296
CN Ngân hàng Phát triển Phú Yên	-	72.989.282.990
	<b>-</b>	<b>104.221.606.286</b>

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/09/2009	31/12/2008
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	36.224.091	4.946.495.592
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	8.924.020.597	-
Thuế tài nguyên	686.756.480	1.415.713.755
Các loại thuế khác	-	580.048.161
	<b>9.647.001.168</b>	<b>6.942.257.508</b>

(\*): Công ty sử dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp để xác định thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức ưu đãi thuế, cụ thể: từ năm 2005 đến năm 2010 là 0%; từ năm 2011 đến năm 2016 là 5%; từ năm 2017 là 25%. Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, hoạt động tài chính không phải là hoạt động kinh doanh chính không thuộc đối tượng ưu đãi thuế; thu nhập phát sinh từ hoạt động tài chính phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 25%. Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2009 theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 1 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

**12. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	30/09/2009	31/12/2008
	VND	VND
CN Ngân hàng Phát triển Phú Yên (i)	224.812.990.512	224.812.990.511
CN Ngân hàng CPTM Quốc tế Việt Nam (ii)	28.572.906.820	-
	<b>253.385.897.332</b>	<b>224.812.990.511</b>

(i): Khoản vay bằng ngoại tệ (USD) được bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình ("Nhà máy") khi chuyển sang công ty cổ phần.

Ngày 22 tháng 11 năm 2005, Công ty đã ký Hợp đồng tín dụng vốn ODA số 01/TDNN với Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Phát triển Phú Yên, nay là Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Phú Yên, nhận nợ lại các khoản vay để đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Sông Hình, với tổng số tiền nhận nợ là 34.654.946,2 USD, bao gồm các khoản:

- Vay tổ chức SIDA Thụy Điển số tiền là 15.551.457,45 USD, không tính lãi, chịu phí quản lý vốn vay 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả đều trong 5 năm (từ năm 2005 đến năm 2009), mỗi năm hai lần vào ngày 31/3 và 30/9. Mức trả nợ gốc mỗi kỳ là 1.555.145,75 USD. Thời điểm phải trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 1 tháng 6 năm 2005, kỳ trả nợ gốc cuối cùng vào ngày 30 tháng 9 năm 2009. Lãi suất nợ vay quá hạn tính bằng 9%/năm. Nợ gốc của khoản vay này đã được thanh toán hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2009.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**12. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- Vay Quỹ Phát triển Bắc Âu (NDF) số tiền là 8.378.301,48 USD, không tính lãi, chịu phí quản lý vốn vay 0,2%/năm và phí dịch vụ 0,75%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả trong 30 năm (từ năm 2005 đến năm 2035), mỗi năm hai lần vào ngày 31/3 và ngày 30/9. Từ năm 2005 đến năm 2014 mức trả nợ bằng 2% trên tổng số vốn gốc (tức là 83.783,01 USD/kỳ); và bằng 4% trên tổng số vốn gốc (tức là 167.566,02 USD/kỳ) trong những năm còn lại. Thời điểm phải trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 01 tháng 12 năm 2005, kỳ trả cuối cùng vào ngày tháng 6 năm 2035. Lãi suất nợ vay quá hạn là 3%/năm.
- Vay Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu (NIB) số tiền là 10.725.187,27 USD với lãi suất bằng lãi suất LIBOR cộng 1,35% áp dụng từ ngày 31 tháng 3 năm 2009 cho tới ngày tiếp theo của kỳ điều chỉnh lãi suất (ngày 31 tháng 3 năm 2012); mức lãi suất cụ thể sẽ do NIB thông báo theo từng thời điểm. Phí quản lý vốn vay là 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả đều trong 10 năm (từ 2005 đến 2015), mỗi năm 2 lần vào ngày 31/3 và ngày 30/9. Mức trả nợ gốc mỗi kỳ là 510.723,21 USD. Thời điểm phải trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 1 tháng 6 năm 2005 và kỳ trả nợ cuối cùng vào ngày 30 tháng 9 năm 2015. Lãi suất nợ vay quá hạn tính bằng 9%/năm.

(ii): Khoản vay từ Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (“VIB”), hạn mức tín dụng là 50 tỷ VND, lãi suất được thay đổi 12 tháng 1 lần và bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh kỳ hạn 6 tháng VND của VIB + biên độ lãi suất tối thiểu là 0.65%/năm (chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại từng thời kỳ). Nợ gốc bắt đầu được trả từ tháng thứ 18 với phân kỳ trả nợ là 6 tháng/lần.

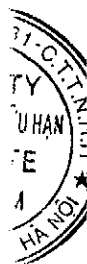
**Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:**

	30/09/2009	31/12/2008
	VND	VND
Trong vòng một năm	-	104.221.606.285
Trong năm thứ hai	36.852.530.861	20.185.864.194
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	72.463.832.735	60.557.592.582
Sau năm năm	144.069.533.736	144.069.533.736
	<u>253.385.897.332</u>	<u>329.034.596.797</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	-	104.221.606.286
Số phải trả sau 12 tháng	<u><b>253.385.897.332</b></u>	<u><b>224.812.990.511</b></u>

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Lợi nhuận chưa phân phối
	VND	VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2008</b>	1.374.942.580.000	260.359.799.921
Lợi nhuận trong năm 2008	-	371.551.684.877
Cổ tức đã trả	-	(247.489.664.400)
Trích lập các quỹ	-	(74.112.600.000)
Chi khác	-	(672.386.126)
<b>Số dư tại ngày 1/1/2009</b>	<u>1.374.942.580.000</u>	<u>309.636.834.272</u>
Lợi nhuận trong kỳ	-	241.835.391.350
Cổ tức đã trả (i)	-	(109.995.406.400)
Trích lập các quỹ (ii)	-	(4.579.221.000)
<b>Số dư tại ngày 30/09/2009</b>	<u><b>1.374.942.580.000</b></u>	<u><b>436.897.598.222</b></u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

(i): Chia cổ tức đợt hai năm 2008 với tỷ lệ 18% theo Nghị quyết số 292/2009/NQ-VSHPC-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009.

(ii) Theo các Nghị quyết số 292/2009/NQ-VSHPC-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 và kế hoạch kinh doanh, tài chính năm 2009 đã được Hội đồng Quản trị thông qua ngày 16 tháng 4 năm 2009, các quỹ bao gồm Quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, thưởng Ban điều hành được trích lập với số tiền lần lượt là 1.662.880.000 VND, 2.416.341.000 VND, 500.000.000 VND.

**Cơ cấu vốn góp**

	30/09/2009		31/12/2008	
	%	VND	%	VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	30,55	420.112.990.000	30,55	420.112.990.000
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	24,00	329.986.200.000	24,00	329.986.200.000
Cổ đông khác	45,45	624.843.390.000	45,45	624.843.390.000
	<b>100,00</b>	<b>1.374.942.580.000</b>	<b>100,00</b>	<b>1.374.942.580.000</b>

**14. DOANH THU**

	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/09/2009
	VND
Doanh thu bán điện (*)	338.894.855.208
Doanh thu dịch vụ khác	681.891.818
	<b>339.576.747.026</b>

(\*): Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam vẫn chưa có một thỏa thuận chính thức về mức giá điện áp dụng cho năm 2009. Hiện tại Công ty đang ghi nhận khoản mục doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện trên cơ sở đơn giá bằng 90% đơn giá cùng kỳ của năm 2008. Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc ghi nhận doanh thu như vậy là phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

**15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/09/2009
	VND
Giá vốn sản xuất điện	135.852.219.453
Giá vốn hoạt động khác	573.039.082
	<b>136.425.258.535</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Từ ngày 01/01/2009  
đến ngày 30/09/2009

VND

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	683.010.991
Chi phí nhân công	8.804.098.240
Chi phí khấu hao tài sản cố định	113.527.872.532
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.514.063.941
Chi phí khác	12.497.302.646

**17. DOANH THU/CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2009  
đến ngày 30/09/2009

VND

<b>Doanh thu tài chính</b>	
Lãi tiền gửi tiết kiệm	56.225.453.837
Cổ tức được chia	2.908.680.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	83.836.426
	<u>59.217.970.263</u>
<b>Chi phí tài chính</b>	
Lãi tiền vay	5.314.886.854
	<u>5.314.886.854</u>
<b>Lợi nhuận từ hoạt động tài chính</b>	<u><u>53.903.083.409</u></u>

**18. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Từ ngày 01/01/2009  
đến ngày 30/09/2009

VND

Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	241.835.391.350
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	137.494.258
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>	<u><u>1.759</u></u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**19. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Ngày 24 tháng 6 năm 2009, Công ty ký Hợp đồng số 498/2009/VSH-ALSTOM với Công ty Alstom Hydro France về việc mua 01 bánh xe công tác (thiết bị đặc chủng) và 04 gáo dự phòng thay thế thiết bị sử dụng trong nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn. Giá trị hợp đồng là 610.000 EUR, tương đương 14.392.028.900 VND. Thiết bị sẽ được bàn giao cho Công ty sau 16 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Ngày 6 tháng 2 năm 2009, Công ty ký Hợp đồng liên doanh số 89/2009/HĐ-VSHPC-LD với 03 nhà thầu là Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý công trình giao thông vận tải Kon Tum, Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và thương mại Tiến Dung và Công ty Cổ phần công trình giao thông vận tải Quảng Nam về việc thi công đường vào công trình đầu mối từ Km2 + 500 - Km20 thuộc Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum. Giá trị công trình là 44.768.126.000 VND, giá trị hợp đồng đã thực hiện đến ngày 30 tháng 9 năm 2009 là 27.856.973.636 VND.

Ngày 4 tháng 9 năm 2009, Công ty ký Hợp đồng số 772/2009/HĐ-VSH-Vimeco-Vina CTN với Công ty Cổ phần Vimeco và Công ty CP Đầu tư XD Công trình ngầm Việt nam về việc thi công cửa nhận nước và đoạn đầu đường hầm dẫn nước thuộc Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum. Giá trị hợp đồng là 124.014.274.000 VND. Tới thời điểm 30 tháng 9 năm 2009, hợp đồng này vẫn chưa nghiệm thu giá trị công trình.

**20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/09/2009
	VND
<b>Doanh thu</b>	
Bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	338.894.855.208
Lãi cho vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	25.347.222.224
Lãi ủy thác đầu tư tại Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực	4.252.499.919
<b>Cổ tức</b>	
Trả cổ tức cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	33.609.039.200
Trả cổ tức cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	26.398.896.000
Cổ tức nhận từ Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	2.908.680.000
<b>Đầu tư</b>	
Ủy thác cho Công ty CP Tài chính Điện lực quản lý vốn	75.000.000.000

*Số dư với các bên liên quan:*

	30/09/2009	31/12/2008
	VND	VND
Phải thu thương mại Tập đoàn Điện lực Việt Nam	17.198.135.680	60.215.025.046
Số dư cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay	500.000.000.000	500.000.000.000
Vốn ủy thác cho Công ty CP Tài chính Điện lực quản lý, lãi suất cố định 10%, kỳ hạn 12 tháng	35.000.000.000	35.000.000.000
Vốn ủy thác cho Công ty CP Tài chính Điện lực quản lý, lãi suất cố định 8%, kỳ hạn 12 tháng	25.000.000.000	-
Vốn ủy thác cho Công ty CP Tài chính Điện lực quản lý, lãi suất cố định 8%, kỳ hạn 6 tháng	25.000.000.000	-

0181 C  
 G TY  
 HỮU H  
 ITTE  
 NAM  
 TP. H

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

*Thu nhập của Ban Giám đốc*

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

Từ ngày 01/01/2009  
đến ngày 30/09/2009

VND

Lương, thưởng và các khoản thu nhập khác

1.859.103.573

**21. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008. Không có số liệu so sánh của báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất do đây là năm đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ 9 tháng.

